TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 21-3-2025
V/v tranh chấp hôn N và gia đình

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Phan Thành Phước
2. Ông Huỳnh Hiếu Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Toà án N dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về hôn N và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 24/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phan Hoài N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: : ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị C xin vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2024 cũng như trong quá trình tố tụng chị Huỳnh Thị C trình bày:

Chị và anh N do quen biết tự nguyện tiến đến hôn N vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/12/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Phan Thắng T, sinh ngày 11/02/2015. Đến tháng 9 năm 2024 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên N là do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự yêu thương

chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh N.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thắng T, sinh ngày 11/02/2015, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có

Anh Phan Hoài N vắng mặt tại phiên toà cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 24/02/2015 cháu Phan Thắng T trình bày: Hiện cháu đang sống chung với cha, sau khi cha mẹ ly hôn *cháu* có *nguyện* vọng sống *chung* với cha.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh N cụ thể:

+ Về hôn N: chị C và anh N được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thắng T, sinh ngày 11/02/2015, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: chị C khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị C khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 của chị Huỳnh Thị C đối với anh Phan Hoài N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn N và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Phan Hoài N có nơi cư trú tại xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh N đến để tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt . Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N và chị C là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn N: chị Huỳnh Thị C và anh Phan Hoài N tự nguyện tiến tới hôn N và đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2012 tại UBND xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn N hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ anh N và chị C đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn N và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh N là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Huỳnh Thị C và anh Phan Hoài N có 01 con chung tên Phan Thắng T, sinh ngày 11/02/2015. Hiện cháu T đang sống với anh N, cháu T có nguyện vọng sống chung với anh N sau khi cha mẹ ly hôn, đồng thời chị C cũng yêu cầu anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu T không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị C khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị C khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn N gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Huỳnh Thị C phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn N và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị C đối với anh Phan Hoài N, cụ thể tuyên:

1. Về hôn N: Chị Huỳnh Thị C và anh Phan Hoài N được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh Phan Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thắng T, sinh ngày 11/02/2015, chị Huỳnh Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phan Hoài N không yêu cầu.

Chị Huỳnh Thị C được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung: chị C khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị C khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn N gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Huỳnh Thị C có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006717 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã H(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm